

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án Rà soát Đề án đánh giá tiềm năng phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 87/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Đề án Rà soát Đề án đánh giá tiềm năng phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 42/TTr-SCT ngày 31/7/2017 và Báo cáo thẩm định số 01/BCTĐ-HĐ ngày 20/5/2017 của Hội đồng thẩm định quy hoạch, đề án phát triển ngành Công thương tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Rà soát Đề án đánh giá tiềm năng phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

**1. Phạm vi đề án:** Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**2. Quan điểm:**

- Phát triển các ngành công nghiệp tiềm năng phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp vùng và cả nước, phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên, tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, thế mạnh, lợi thế so sánh của tỉnh nhằm thu hút lao động, giải quyết việc làm, hỗ trợ sản xuất và tăng thêm nguồn thu cho ngân sách. Phát huy nội lực, mở rộng sản xuất, nâng cao hợp tác quốc tế, hợp tác liên tỉnh, liên vùng.

- Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ các ngành có quy mô lớn, có sức cạnh tranh và mang lại giá trị gia tăng cao, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp và góp phần nâng cao tăng trưởng kinh tế của tỉnh;

- Đảm bảo cơ chế thị trường trong phát triển các ngành công nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển công bằng, minh bạch; cơ chế thị trường là nhân tố then chốt phát triển các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất trong ngành.

- Chú trọng hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, làm cơ sở thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn trong các ngành công nghiệp tiềm năng. Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, từng bước giảm dần khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

- Phát triển các ngành công nghiệp tiềm năng trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh của Đắk Lắk phù hợp với lợi thế so sánh của Việt Nam để tạo ra các ngành công nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Phát triển các ngành công nghiệp tiềm năng gắn với bảo vệ môi trường và giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

### **3. Mục tiêu**

#### **3.1 Mục tiêu tổng quát**

a) Đến năm 2030, tập trung phát triển 16 ngành công nghiệp trọng điểm: Chế biến cà phê; chế biến cao su; chế biến hồ tiêu; chế biến ca cao; chế biến bơ; cơ khí lắp ráp, chế tạo, sửa chữa; sản xuất điện gió và điện mặt trời; chế biến sắn; chế biến mía đường; chế biến thức ăn gia súc; sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ phục vụ xây dựng trong nước và xuất khẩu; sản xuất vật liệu xây dựng không nung; sản xuất gạch ốp lát; công nghiệp dệt may; công nghiệp da giày; các ngành công nghệ cao.

Trong đó, đến năm 2020, ưu tiên tập trung phát triển 7 ngành công nghiệp trọng điểm: Chế biến cà phê; chế biến bơ; chế biến ca cao; chế biến cao su; chế biến hồ tiêu; sản xuất điện gió, điện mặt trời; cơ khí chế tạo, lắp ráp, sửa chữa.

b) Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản phẩm, thân thiện với môi trường.

Các ngành công nghiệp trọng điểm chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất công nghiệp, tác động lớn đến tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Lắk. Giá trị xuất khẩu các ngành này tăng trưởng tối thiểu 10%/năm, đóng góp vào ngân sách nhà nước tăng 10%/năm.

c. Thu hút các dự án đầu tư tư nhân quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường vào các ngành tập trung phát triển đến năm 2020 và năm 2030. Các dự án đầu tư tập trung vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

#### **3.2 Mục tiêu cụ thể**

a. Ngành chế biến cà phê:

- Tăng tỷ lệ cà phê chế biến ướt lên 25% năm 2020 và 50% năm 2030; áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn kỹ thuật trong chế biến.

- Mở rộng quy mô, công suất chế biến cà phê hòa tan đạt 10.200 tấn (2%) năm 2020 và 32.500 tấn (5%) năm 2030; tổng sản lượng cà phê rang xay tăng lên đạt 10% vào năm 2020 và 20% vào năm 2030.

b. Ngành chế biến ca cao: Đến năm 2020, kêu gọi đầu tư 01 nhà máy chế biến sâu ca cao và các sản phẩm từ ca cao, quy mô chế biến đạt khoảng 4.000-5.000 tấn hạt/năm. Đến năm 2030, quy mô chế biến sâu ca cao và các sản phẩm từ ca cao của các nhà máy trên địa bàn đạt khoảng 9.000 tấn hạt/năm.

c. Ngành chế biến cao su:

- Cải tiến công nghệ, tạo cơ cấu sản phẩm hợp lý để nâng cao giá trị xuất khẩu, trong đó, đến năm 2020, tỷ lệ mũ cốt SVR 3L, SVR 5L chiếm khoảng 40%, tỷ lệ mũ kem 20%, tỷ lệ mũ cao su kỹ thuật RSS, SR và SVR 10, SVR20 chiếm khoảng 40%; đến năm 2030, tỷ lệ mũ cốt chiếm khoảng 20%, tỷ lệ mũ kem chiếm khoảng 10%, tỷ lệ mũ cao su kỹ thuật chiếm khoảng 70%.

- Công suất chế biến (công suất thiết kế của các nhà máy) đến năm 2020 đạt từ 57.000- 71.000 tấn/năm; đến năm 2030 đạt từ 67.000 - 100.000 tấn/năm.

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn chỉnh thiết bị, đồng bộ hoá dây chuyền các nhà máy hiện có trên địa bàn.

d. Ngành sản xuất điện gió, điện mặt trời: Đến năm 2020, đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành phát điện 01 dự án điện gió tại huyện Ea H'Leo với công suất 28MW; triển khai đầu tư xây dựng 04 - 07 nhà máy điện mặt trời với tổng công suất khoảng từ 800MW÷1.000MW. Đến năm 2030, thu hút thêm các dự án điện gió với tổng công suất khoảng 400MW; đầu tư xây dựng thêm các dự án và nâng công suất của các nhà máy đã được đầu tư xây dựng để nâng tổng công suất của các nhà máy điện mặt trời trên toàn địa bàn tỉnh lên khoảng 3.500MW÷4.000MW vào năm 2030.

đ. Ngành chế biến tiêu: Đến năm 2020, thu hút 01 nhà máy chế biến tiêu tại huyện Ea H'leo với công suất 6.000 tấn/năm, được lắp đặt dây chuyền chế biến tiêu hiện đại (có xử lý tiêu bằng hơi nước) để cho ra sản phẩm tiêu trắng chất lượng cao và sản phẩm tiêu nghiền bột. Nâng tỷ lệ sản phẩm tiêu trắng lên 30% vào năm 2020, tỷ lệ sản phẩm tiêu nghiền bột lên 25% năm 2020 và duy trì tỷ lệ này đến năm 2030.

e. Ngành chế biến bơ: Đến năm 2020, thu hút 01 nhà máy chế biến bơ trên địa bàn, sản xuất các sản phẩm cao hơn trong chuỗi giá trị các sản phẩm từ bơ (bột bơ, mỹ phẩm bơ,...). Đến năm 2030, có 01 nhà máy chế biến bơ hiện đại hoạt động ổn định trên địa bàn.

g. Ngành cơ khí chế tạo, lắp ráp và sửa chữa: Thu hút đầu tư các nhà máy lắp ráp xe nông dụng đa chức năng và loại nông nghiệp công suất 25.000 tấn sản phẩm/năm; đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp thiết bị chế biến nông lâm sản công suất 5.000 sản phẩm/năm. Đến năm 2030, các nhà máy này đi vào hoạt động ổn định, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động sản xuất, chế biến nông sản trên địa



bàn. Đầu tư bổ sung và nâng cao năng lực các cơ sở chế tạo cơ khí hướng đến hình thành nhóm ngành công nghiệp phụ trợ như gia công cơ khí chính xác...

### **3.3 Ngành công nghiệp tiềm năng ưu tiên phát triển**

- 16 ngành công nghiệp tiềm năng ưu tiên phát triển đến năm 2030: Chế biến cà phê; chế biến cao su; chế biến hồ tiêu; chế biến ca cao; chế biến bơ; cơ khí lắp ráp, chế tạo, sửa chữa; sản xuất điện gió và điện mặt trời; chế biến sản; chế biến mía đường; chế biến thức ăn gia súc; sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ phục vụ xây dựng dân dụng trong nước và xuất khẩu; sản xuất vật liệu xây dựng không nung; sản xuất gạch ốp lát; công nghiệp dệt may; công nghiệp da giày; các ngành công nghệ cao.

- 7 ngành công nghiệp tập trung ưu tiên phát triển đến năm 2020: Chế biến cà phê; chế biến cao su; chế biến hồ tiêu; chế biến ca cao; chế biến bơ; cơ khí lắp ráp, chế tạo, sửa chữa; sản xuất điện gió và điện mặt trời.

## **4. Các giải pháp thực hiện**

### **4.1 Giải pháp về môi trường kinh doanh**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân thông qua việc đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân về phát triển ngành công nghiệp.

- Nâng cao tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh và cải cách hành chính:

+ Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện tốt nhất để giảm chi phí gia nhập thị trường và thời gian thực hiện các quy định của nhà nước cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

+ Tạo thuận lợi trong tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất.

+ Nâng cao tính minh bạch và trợ giúp các doanh nghiệp tiếp cận thông tin.

+ Nâng cao tính năng động, tiên phong của lãnh đạo các cấp, các ngành, tăng cường đối thoại và tháo gỡ khó khăn kịp thời đối với doanh nghiệp.

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích đầu tư, thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

- Theo dõi, giám sát, đánh giá, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp tiềm năng.

### **4.2 Giải pháp về nhân lực, khoa học công nghệ và môi trường**

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ trong quy trình sản xuất.

- Tạo điều kiện và khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ trong quy trình sản xuất.

- Bảo vệ môi trường: Xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả bảo vệ môi trường trong Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

### 4.3 Giải pháp về đầu tư và phát triển thị trường

- Tập trung phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh và thu hút doanh nghiệp FDI.

- Tập trung nâng cao chuỗi giá trị cho 7 ngành trọng điểm, tiềm năng nhất giai đoạn đến năm 2020, gồm: Chế biến cà phê; chế biến ca cao; chế biến bơ; chế biến hồ tiêu; chế biến cao su; sản xuất điện gió và điện mặt trời; cơ khí lắp ráp, chế tạo, sửa chữa.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Sở Công Thương:

- Chủ trì, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện Đề án;
- Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền; đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp Sở Công Thương tổ chức tuyên truyền về nội dung của Đề án và kết quả thực hiện Đề án.

3. Các Sở, ban, ngành, địa phương: Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, chức năng, nhiệm vụ để xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể hóa Đề án.

### **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các P.CVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, TT: KT, TH, NNMT, TT-CB;
- Lưu: VT, CN (HvC.38).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hải Ninh**